

PHIẾU BÀI TẬP - NHÂN SỐ CÓ 4 CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ 1 CHỮ SỐ

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Kết quả của phép tính $2\ 103 \times 3$ là:

- A. 6 306 B. 6 309 C. 6 039 D. 6 390

Câu 2: Một mảnh đất hình vuông có cạnh 1 508 m. Chu vi mảnh đất là:

- A. 6 032 m B. 6 023 m C. 4 524 m D. 6 320 m

Câu 3: Giá trị của biểu thức $1\ 200 \times 4 + 1\ 000$ là:

- A. 4 800 B. 5 800 C. 9 800 D. 5 400

Câu 4: Thư viện trường có sẵn 1 500 quyển sách. Nhà trường mua thêm 4 tủ sách mới, mỗi tủ chứa 1 100 quyển sách. Hỏi thư viện có tất cả bao nhiêu quyển sách?

- A. 4 400 quyển B. 5 500 quyển C. 5 900 quyển D. 2 600 quyển

Câu 5: Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $2\ 005\text{ g} \times 4 = \dots\dots\dots\text{ g}$

- A. 8 020 B. 8 200 C. 8 005 D. 8 050

Câu 6: Tìm x , biết: $x : 3 = 1\ 402$

- A. 4 206 B. 3 206 C. 4 260 D. 4 026

Câu 7: Một cuộn dây dài 1 250 m. Người ta cắt cuộn dây thành 5 đoạn bằng nhau. Hỏi 3 đoạn dây như thế dài bao nhiêu mét?

- A. 250 m B. 750 m C. 500 m D. 1 000 m

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$1\ 612 \times 5$	$2\ 307 \times 3$	$1\ 090 \times 6$	$4\ 211 \times 2$

Bài 2: Tính nhẩm:

$$2\ 000 \times 4 = \dots\dots\dots$$

$$3\ 000 \times 2 = \dots\dots\dots$$

$$1\ 500 \times 2 = \dots\dots\dots$$

Bài 3: Điền số thích hợp vào ô trống:

805

→ (× 6) →

.....

→ (+ 1 500) →

.....

Bài 4: Bác Hùng thu hoạch cam trong vườn. Bác đóng được 5 giỏ cam nhỏ, mỗi giỏ nặng 1 400 g và một túi cam lớn nặng 2 500 g. Hỏi bác Hùng đã thu hoạch được tất cả bao nhiêu gam cam?

Bài giải:

Bài 5: Tìm x:

a) $x : 5 = 1\,015$

b) $x : 4 = 2\,108$

Bài 6: Một sân vận động hình chữ nhật có chiều rộng là 1 200 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi của sân vận động đó.

Bài giải: